

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOA
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 5 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Viết Minh Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Do**.

2. Bà **Nguyễn Thị Chín**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 19, khu vực 4, phường H, thành phố Q, tỉnh B. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Châu Anh Q**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Châu Anh Q tự nguyện yêu thương, tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Q, tỉnh B vào ngày 01/12/2014. Trong quá trình chung sống, anh Q thường xuyên chơi bài bạc, không lo làm ăn chăm sóc gia đình vợ con nên giữa vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn: chị và anh Q thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn càng lúc càng lớn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng cuối năm 2016 cho đến nay, mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 1 con chung là: Châu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2015. Khi ly hôn, chị sẽ nuôi con và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con hàng

tháng đối với cháu B là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng; thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu B thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Q không có tài sản chung và không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, bị đơn anh Châu Anh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận đúng như chị T trình bày về việc kết hôn và mâu thuẫn của anh và chị T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến gần cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn: vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh ăn chơi, hay đi đánh bài, cá độ đá banh, không chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2016 cho đến nay. Tuy nhiên, nay anh đã biết tu chí làm ăn và sửa đổi dần dần. Nay, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là: Châu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2015. Hiện nay con đang còn nhỏ và ở với chị T. Tại phiên tòa hôm nay anh cũng nhất trí với ý kiến của chị T là nếu Tòa xét xử cho anh và chị T ly hôn thì anh nhất trí giao con là cháu Châu Trần Gia B cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay anh đồng ý với yêu cầu với chị T là anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với cháu Châu Trần Gia B là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng; thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu B thành niên và tự lập được.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Chị Trần Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo với hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật; tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Châu Anh Q có nơi cư trú tại huyện Đ. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh T và anh Châu Anh Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 01/12/2014. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp. Chị T và anh Q đều thừa nhận trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn: Thường hay cãi vã. Nguyên nhân là do anh Q ăn chơi, hay đi đánh bài, cá độ đá banh, không chăm sóc vợ con; Mâu thuẫn căng thẳng

nên anh chị đã ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2016 cho đến nay. Như vậy, thực tế cuộc sống chung không còn tồn tại. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Q là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh Q 01 con chung là: Châu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2015. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con. Tính đến ngày xét xử, cháu B được 2 tuổi 06 tháng 21 ngày; theo quy định tại khoản 3 Điều 80 Luật hôn nhân và gia đình thì: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Mặt khác, xét điều kiện thực tế của chị T thấy rằng: Chị T làm nghề nhân viên khách sạn thu nhập ổn định 4.000.000 đồng/tháng trong thời gian anh chị ly thân cho đến nay, chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi con và đưa đón con đi học. Bên cạnh đó tại phiên tòa hôm nay anh Q cũng thống nhất nếu ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con là cháu Châu Trần Gia B cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Xét việc sự thỏa thuận này là ý chí tự nguyện của chị T và anh Q, phù hợp với thực tế không trái với các quy định của pháp luật nên và đảm bảo lợi ích cao nhất cho con chưa thành niên cần được chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Khi ly hôn, chị T yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 4.000.000đ/tháng từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu B thành niên và tự lập được. Tại phiên tòa hôm nay anh Q cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con là cháu Châu Trần Gia B hàng tháng là 4.000.000đ/tháng từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu B thành niên và tự lập được. Xét việc sự thỏa thuận này là ý chí tự nguyện của chị T và anh Q, phù hợp với thực tế không trái với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 266; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trần Thị Thanh T.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Châu Anh Q.

[2] *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Thanh T và anh Châu Anh Q là giao con chung cháu Châu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2015 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.. Anh Châu Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Châu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2015 hàng tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu B thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Thanh T và anh Châu Anh Q là anh Châu Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Châu Trần Gia B, sinh ngày 03/11/2015 hàng tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu B thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] *Về án phí*: Buộc chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002466 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ.

-Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Châu Anh Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân

